

DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ THI
HỌC PHẦN: TIẾNG ANH B2
HỌC KÌ 2- NĂM HỌC 2022-2023
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

Ngày thi: 28.7.2023

Phòng thi 01 (507-A2)

SBD	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Khóa/Ngành	Mã lớp môn học	Kí nộp bài môn			Điểm môn			Ghi chú
							Đọc	Nghe	Viết	Đọc	Nghe	Viết	
1	22041517	Lê Thúy	An	20/04/2004	QH.2022.F.1.K2.NN	FLF1108B 11							
2	22041072	Nguyễn Quốc	An	25/01/2004	QH.2022.F.1.C6.NN4	FLF1108B 13							
3	22041632	Bùi Thị	Anh	17/04/2004	QH.2022.F.1.K6.NN	FLF1108B 6							
4	22041414	Đào Tú	Anh	21/12/2004	QH.2022.F.1.J9.NN	FLF1108B 12							
5	22041432	Đoàn Lan	Anh	15/11/2004	QH.2022.F.1.J4.NN	FLF1108B 1							
6	20041541	Đông Thị Tú	Anh	28/01/2002	QH.2020.F.1.C6.NN23	FLF1108B 14							
7	22041479	Hoàng Mai Hà	Anh	22/01/2004	QH.2022.F.1.J7.NN	FLF1108B 7							
8	22041603	Khổng Thị Lan	Anh	31/10/2004	QH.2022.F.1.K5.NN	FLF1108B 1							
9	22041723	Khổng Thị Lan	Anh	25/09/2004	QH.2022.F.1.A1.NN	FLF1108B 6							
10	22041744	Lê Minh Ngọc	Anh	20/08/2003	QH.2022.F.1.A1.NN	FLF1108B 13							
11	22040748	Lưu Quỳnh	Anh	22/08/2004	QH.2022.F.1.R3.NN	FLF1108B 11							
12	22041686	Mai Phương	Anh	18/11/2004	QH.2022.F.1.K8.NN	FLF1108B 2							
13	22041084	Ngô Thị	Anh	17/10/2004	QH.2022.F.1.C5.NN	FLF1108B 3							
14	22040955	Ngô Xuân	Anh	17/10/2004	QH.2022.F.1.C9.NN4	FLF1108B 6							
15	22041661	Nguyễn Đình Quang	Anh	3/03/2004	QH.2022.F.1.K7.NN	FLF1108B 3							
16	22041474	Nguyễn Hà	Anh	22/04/2004	QH.2022.F.1.J7.NN	FLF1108B 7							
17	22040795	Nguyễn Hà	Anh	11/04/2004	QH.2022.F.1.R3.NN	FLF1108B 10							
18	22041506	Nguyễn Hà Châu	Anh	29/10/2004	QH.2022.F.1.K2.NN	FLF1108B 1							
19	22040899	Nguyễn Mai	Anh	28/05/2004	QH.2022.F.1.F1.NN	FLF1108B 14							
20	22041662	Nguyễn Ngọc	Anh	20/02/2004	QH.2022.F.1.K7.NN	FLF1108B 10							
21	22041600	Nguyễn Phương	Anh	6/03/2004	QH.2022.F.1.K5.NN	FLF1108B 6							

Danh sách gồm: sinh viên

Số thí sinh dự thi môn Đọc: Nghe: Viết:

Cán bộ coi thi 01:

Cán bộ coi thi 02:

Thư ký:

HỌC KÌ 2- NĂM HỌC 2022-2023
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

Ngày thi: 28.7.2023

Phòng thi 02 (508-A2)

SBD	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Khóa/Ngành	Mã lớp môn học	Kí nộp bài môn			Điểm môn			Ghi chú
							Đọc	Nghe	Viết	Đọc	Nghe	Viết	
1	22040849	Nguyễn Tạ Quỳnh	Anh	13/10/2004	QH.2022.F.1.F4.NN	FLF1108B 14							
2	22041266	Nguyễn Thị Duyên	Anh	30/03/2004	QH.2022.F.1.G4.NN	FLF1108B 4							
3	22041393	Nguyễn Thị Hương	Anh	21/06/2004	QH.2022.F.1.J3.NN	FLF1108B 10							
4	22041698	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	12/05/2004	QH.2022.F.1.K8.NN	FLF1108B 1							
5	22040779	Nguyễn Thị Phương	Anh	12/11/2004	QH.2022.F.1.R2.NN	FLF1108B 11							
6	22041453	Nguyễn Thị Phương	Anh	15/07/2004	QH.2022.F.1.J5.NN	FLF1108B 11							
7	22041676	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	3/11/2004	QH.2022.F.1.K7.NN	FLF1108B 3							
8	22041086	Phạm Lan	Anh	4/11/2004	QH.2022.F.1.C5.NN	FLF1108B 13							
9	22041460	Phạm Ngọc	Anh	19/11/2004	QH.2022.F.1.J5.NN	FLF1108B 6							
10	22041660	Phạm Ngọc	Anh	27/06/2004	QH.2022.F.1.K7.NN	FLF1108B 10							
11	22041459	Phạm Phương	Anh	13/09/2004	QH.2022.F.1.J6.NN	FLF1108B 12							
12	22041497	Tạ Châu	Anh	22/10/2004	QH.2022.F.1.K2.NN	FLF1108B 2							
13	22040759	Thạch Lan	Anh	15/02/2004	QH.2022.F.1.R3.NN	FLF1108B 10							
14	22041630	Thân Quỳnh	Anh	8/10/2004	QH.2022.F.1.K6.NN	FLF1108B 7							
15	22041583	Thiều Thị Lan	Anh	7/06/2004	QH.2022.F.1.K4.NN	FLF1108B 12							
16	22040971	Trần Hoài	Anh	30/04/2004	QH.2022.F.1.C8.NN4	FLF1108B 6							
17	22041669	Trần Ngọc	Anh	26/11/2004	QH.2022.F.1.K7.NN	FLF1108B 11							
18	22040882	Vũ Hải	Anh	7/11/2004	QH.2022.F.1.F4.NN	FLF1108B 14							
19	22041547	Vũ Phương Anh	Anh	23/09/2004	QH.2022.F.1.K3.NN	FLF1108B 10							
20	22041666	Bùi Phương	Ánh	23/10/2004	QH.2022.F.1.K7.NN	FLF1108B 3							
21	22041622	Bùi Ngọc	Ánh	8/02/2004	QH.2022.F.1.K6.NN	FLF1108B 13							

Danh sách gồm: sinh viên

Số thí sinh dự thi môn Đọc: Nghe: Viết:

Cán bộ coi thi 01:

Cán bộ coi thi 02:

Thư ký:

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ THI
HỌC PHẦN: TIẾNG ANH B2
HỌC KÌ 2- NĂM HỌC 2022-2023
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

Ngày thi: 28.7.2023

Phòng thi 03 (601-A2)

SBD	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Khóa/Ngành	Mã lớp môn học	Kí nộp bài môn			Điểm môn			Ghi chú
							Đọc	Nghe	Viết	Đọc	Nghe	Viết	
1	22040850	Đỗ Thị Xuân	Ánh	20/01/2004	QH.2022.F.1.F2.NN	FLF1108B 14							
2	22040949	Lê Ngọc	Ánh	18/06/2004	QH.2022.F.1.C7.NN4	FLF1108B 10							
3	22040867	Lê Ngọc	Ánh	6/01/2004	QH.2022.F.1.F2.NN	FLF1108B 14							
4	22041326	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	8/03/2003	QH.2022.F.1.J8.NN	FLF1108B 2							
5	22041089	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	2/05/2003	QH.2022.F.1.C5.NN	FLF1108B 7							
6	22040910	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	11/06/2004	QH.2022.F.1.F4.NN	FLF1108B 14							
7	22040879	Thiều Ngọc	Ánh	4/04/2004	QH.2022.F.1.F4.NN	FLF1108B 14							
8	22041191	Đỗ Gia	Bảo	29/01/2004	QH.2022.F.1.G2.NN	FLF1108B 6							
9	22041142	Lê Quỳnh	Châu	9/11/2004	QH.2022.F.1.C4.NN	FLF1108B 12							
10	22041210	Phạm Ngọc Minh	Châu	20/07/2004	QH.2022.F.1.G2.NN	FLF1108B 6							
11	22041020	Đặng Thị Quỳnh	Chi	16/10/2004	QH.2022.F.1.C5.NN	FLF1108B 12							
12	22041555	Đỗ Quỳnh	Chi	8/07/2004	QH.2022.F.1.K4.NN	FLF1108B 3							
13	22041164	Hà Nguyễn Quỳnh	Chi	18/11/2004	QH.2022.F.1.G1.NN	FLF1108B 3							
14	22041700	Lê Nguyễn Linh	Chi	2/09/2004	QH.2022.F.1.K8.NN	FLF1108B 11							
15	22041709	Lê Thị Phương	Chi	14/11/2004	QH.2022.F.1.K8.NN	FLF1108B 2							
16	22041119	Nguyễn Linh	Chi	5/04/2004	QH.2022.F.1.C2.NN	FLF1108B 6							
17	22041671	Nguyễn Linh	Chi	6/04/2004	QH.2022.F.1.K7.NN	FLF1108B 11							
18	22041242	Nguyễn Quỳnh	Chi	18/01/2004	QH.2022.F.1.G3.NN	FLF1108B 11							
19	22041587	Nguyễn Thị Kim	Chi	28/06/2004	QH.2022.F.1.K5.NN	FLF1108B 6							
20	22040904	Phạm Lê Phương	Chi	14/01/2004	QH.2022.F.1.F3.NN	FLF1108B 14							
21	22041064	Trần Thị Kim	Chi	1/05/2004	QH.2022.F.1.C3.NN	FLF1108B 4							

Danh sách gồm: sinh viên

Số thí sinh dự thi môn Đọc: Nghe: Viết:

Cán bộ coi thi 01:

Cán bộ coi thi 02:

Thư ký:

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ THI
HỌC PHẦN: TIẾNG ANH B2

HỌC KÌ 2- NĂM HỌC 2022-2023
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

Ngày thi: 28.7.2023

Phòng thi 04 (602-A2)

SBD	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Khóa/Ngành	Mã lớp môn học	Kí nộp bài môn			Điểm môn			Ghi chú
							Đọc	Nghe	Viết	Đọc	Nghe	Viết	
1	22041568	Phạm Linh	Chi	15/02/2004	QH.2022.F.1.K4.NN	FLF1108B 1							

20	22041323	Đỗ Ngọc	Linh	14/12/2004	QH.2022.F.1.J2.NN3 D6	FLF1108B 1							
21	22041344	Đỗ Thị Thùy	Linh	9/05/2004	QH.2022.F.1.J8.NN	FLF1108B 12							

Danh sách gồm: sinh viên

Số thí sinh dự thi môn Đọc: Nghe: Viết:

Cán bộ coi thi 01:

Cán bộ coi thi 02:

Thư ký:

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ THI
HỌC PHẦN: TIẾNG ANH B2
HỌC KÌ 2- NĂM HỌC 2022-2023
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

Ngày thi: 28.7.2023

Phòng thi 09 (608-A2)

SBD	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Khóa/Ngành	Mã lớp môn học	Kí nộp bài môn			Điểm môn			Ghi chú
							Đọc	Nghe	Viết	Đọc	Nghe	Viết	
1	22040805	Hoàng Diệu	Linh	8/09/2004	QH.2022.F.1.R3.NN	FLF1108B 2							
2	22041580	Hoàng Thị Khánh	Linh	18/01/2004	QH.2022.F.1.K4.NN	FLF1108B 11							
3	22041160	Hoàng Thùy	Linh	25/02/2003	QH.2022.F.1.C4.NN	FLF1108B 3							
4	22041601	Hoàng Thùy	Linh	31/08/2004	QH.2022.F.1.K5.NN	FLF1108B 6							
5	22041138	Lê Mai	Linh	25/05/2004	QH.2022.F.1.C3.NN	FLF1108B 4							
6	22041595	Lê Ngọc	Linh	6/02/2004	QH.2022.F.1.K5.NN	FLF1108B 12							
7	22041663	Lê Phương	Linh	8/12/2004	QH.2022.F.1.K7.NN	FLF1108B 10							
8	22040027	Lê Thị Khánh	Linh	16/09/2004	QH.2022.F.1.R1.NN	FLF1108B 2							
9	22041144	Lê Thị Thùy	Linh	1/01/2004	QH.2022.F.1.C4.NN	FLF1108B 4							
10	22041145	Lê Thị Thùy	Linh	8/05/2004	QH.2022.F.1.C4.NN	FLF1108B 7							
11	22041604	Lưu Khánh	Linh	12/01/2004	QH.2022.F.1.K5.NN	FLF1108B 1							
12	22041713	Nguyễn Thảo	Linh	11/01/2004	QH.2022.F.1.K8.NN	FLF1108B 3							
13	22040762	Nguyễn Hoàng	Linh	15/12/2004	QH.2022.F.1.R1.NN	FLF1108B 13							
14	22041475	Nguyễn Lê Thùy	Linh	25/07/2004	QH.2022.F.1.J6.NN	FLF1108B 12							
15	22041335	Nguyễn Mỹ	Linh	21/11/2003	QH.2022.F.1.J8.NN	FLF1108B 2							
16	22041013	Nguyễn Thị Mai	Linh	10/12/2003	QH.2022.F.1.C8.NN4	FLF1108B 13							
17	22041746	Nguyễn Thị Thùy	Linh	9/12/2004	QH.2022.F.1.A1.NN	FLF1108B 12							
18	22041738	Nguyễn Thị Thùy	Linh	11/03/2004	QH.2022.F.1.A1.NN	FLF1108B 2							
19	22040998	Nguyễn Thùy	Linh	16/02/2004	QH.2022.F.1.C5.NN	FLF1108B 13							
20	22040886	Nguyễn Thùy	Linh	13/07/2004	QH.2022.F.1.F4.NN	FLF1108B 14							
21	22040901	Nguyễn Trần Khánh	Linh	17/04/2004	QH.2022.F.1.F2.NN	FLF1108B 14							

Danh sách gồm: sinh viên

Số thí sinh dự thi môn Đọc: Nghe: Viết:

Cán bộ coi thi 01:

Cán bộ coi thi 02:

Thư ký:

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ THI
HỌC PHẦN: TIẾNG ANH B2
HỌC KÌ 2- NĂM HỌC 2022-2023
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

Ngày thi: 28.7.2023

Phòng thi 10 (610-A2)

SBD	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Khóa/Ngành	Mã lớp môn học	Kí nộp bài môn			Điểm môn			Ghi chú
							Đọc	Nghe	Viết	Đọc	Nghe	Viết	
1	22040883	Phạm Thị Khánh	Linh	18/05/2004	QH.2022.F.1.F1.NN	FLF1108B 14							
2	22041207	Phan Thị Khánh Linh	Linh	3/03/2004	QH.2022.F.1.G2.NN	FLF1108B 11							
3	22041215	Tạ Khánh	Linh	16/07/2004	QH.2022.F.1.G3.NN	FLF1108B 3							
4	22041465	Trần Diệu	Linh	5/06/2004	QH.2022.F.1.J5.NN	FLF1108B 10							
5	22041228	Triệu Mai Thùy	Linh	3/08/2004	QH.2022.F.1.G3.NN	FLF1108B 3							
6	22040865	Vũ Khánh	Linh	22/06/2004	QH.2022.F.1.F2.NN	FLF1108B 14							
7	22041689	Vũ Thị Diệu	Linh	9/03/2004	QH.2022.F.1.K8.NN	FLF1108B 2							
8	22041695	Đỗ Thị Bích	Loan	3/06/2004	QH.2022.F.1.K8.NN	FLF1108B 2							
9	22041044	Kim Thị Thu	Lương	25/01/2004	QH.2022.F.1.C2.NN	FLF1108B 2							
10	22041457	Trần Thanh	Lương	24/01/2004	QH.2022.F.1.J8.NN	FLF1108B 2							
11	22041153	Lê Thị Cẩm	Ly	24/10/2004	QH.2022.F.1.C5.NN	FLF1108B 7							
12	22041589	Nguyễn Thị Khánh	Ly	27/08/2004	QH.2022.F.1.K5.NN	FLF1108B 7							
13	22041406	Dương Ngọc	Mai	14/03/2004	QH.2022.F.1.J4.NN	FLF1108B 3							
14	22041405	Hoàng Thị	Mai	3/06/2004	QH.2022.F.1.J3.NN	FLF1108B 1							
15	22041748	Mai Thị	Mai	1/06/2004	QH.2022.F.1.A1.NN	FLF1108B 2							
16	22041397	Nguyễn Hồng	Mai	17/10/2004	QH.2022.F.1.J3.NN	FLF1108B 3							
17	22041635	Nguyễn Thị	Mai	26/10/2004	QH.2022.F.1.K6.NN	FLF1108B 11							
18	22041333	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	15/09/2004	QH.2022.F.1.J9.NN	FLF1108B 4							
19	22041381	Phan Thị	Mai	29/07/2004	QH.2022.F.1.J9.NN	FLF1108B 1							
20	22040783	Tạ Thị Ngọc	Mai	26/11/2004	QH.2022.F.1.R2.NN	FLF1108B 2							
21	22041478	Trần Hoàng	Mai	14/03/2004	QH.2022.F.1.J5.NN	FLF1108B 11							

Danh sách gồm: sinh viên

Số thí sinh dự thi môn Đọc: Nghe: Viết:

Cán bộ coi thi 01:

Cán bộ coi thi 02:

Thư ký:

DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ THI
HỌC PHẦN: TIẾNG ANH B2
HỌC KÌ 2- NĂM HỌC 2022-2023
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

Ngày thi: 28.7.2023

Phòng thi 11 (611-A2)

SBD	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Khóa/Ngành	Mã lớp môn học	Kí nộp bài môn			Điểm môn			Ghi chú
							Đọc	Nghe	Viết	Đọc	Nghe	Viết	
1	22040200	Lê Hải	Minh	9/09/2004	QH.2022.F.1.G1.SP	FLF1108B 10							
2	22041407	Nguyễn Hồng	Minh	1/09/2004	QH.2022.F.1.J9.NN	FLF1108B 2							
3	22041634	Giáp Hồng	My	25/08/2004	QH.2022.F.1.K6.NN	FLF1108B 6							
4	22041696	Hà Thị Huyền	My	30/01/2004	QH.2022.F.1.K8.NN	FLF1108B 12							
5	22041612	Trần Trà	My	23/02/2004	QH.2022.F.1.K5.NN	FLF1108B 4							
6	22041372	Nguyễn Thị Trà	My	21/05/2004	QH.2022.F.1.J3.NN	FLF1108B 1							
7	22040931	Hoàng Lê	Na	10/05/2004	QH.2022.F.1.F4.NN	FLF1108B 14							
8	22041149	Phan Thị Lê	Na	26/06/2004	QH.2022.F.1.C1.NN	FLF1108B 6							
9	22041373	Lê Kiều	Nga	13/11/2004	QH.2022.F.1.J5.NN	FLF1108B 10							
10	22040909	Nguyễn Thị	Nga	3/06/2004	QH.2022.F.1.F2.NN	FLF1108B 14							
11	22041232	Nguyễn Thúy	Nga	14/02/2004	QH.2022.F.1.G3.NN	FLF1108B 2							
12	22041421	Đoàn Thị Thu	Ngân	23/10/2004	QH.2022.F.1.J8.NN	FLF1108B 12							
13	22041214	Nguyễn Khánh	Ngân	10/12/2004	QH.2022.F.1.G3.NN	FLF1108B 11							
14	21040395	Vũ Nguyễn Hải	Ngân	3/08/2003	QH.2021.F.1.C2.NN23	FLF1108B 12							
15	22041095	Vũ Thị Kim	Ngân	16/08/2004	QH.2022.F.1.C6.NN4	FLF1108B 11							
16	22040812	Đào Hồng	Ngọc	5/06/2004	QH.2022.F.1.R1.NN	FLF1108B 12							
17	22041639	Dương Thúy	Ngọc	20/09/2004	QH.2022.F.1.K6.NN	FLF1108B 7							
18	22041699	Nguyễn Bích	Ngọc	22/04/2004	QH.2022.F.1.K8.NN	FLF1108B 3							
19	22040942	Nguyễn Hồng	Ngọc	8/03/2004	QH.2022.F.1.C7.NN4	FLF1108B 2							
20	22041617	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	9/09/2004	QH.2022.F.1.K5.NN	FLF1108B 1							
21	22041156	Trần Huyền	Ngọc	9/04/2004	QH.2022.F.1.C5.NN	FLF1108B 12							

Danh sách gồm: sinh viên

Số thí sinh dự thi môn Đọc: Nghe: Viết:

Cán bộ coi thi 01:

Cán bộ coi thi 02:

Thư ký:

HỌC KÌ 2- NĂM HỌC 2022-2023
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

Ngày thi: 28.7.2023

Phòng thi 12 (701-A2)

SBD	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Khóa/Ngành	Mã lớp môn học	Kí nộp bài môn			Điểm môn			Ghi chú
							Đọc	Nghe	Viết	Đọc	Nghe	Viết	
1	22041703	Trần Thị	Ngọc	27/05/2004	QH.2022.F.1.K8.NN	FLF1108B 2							
2	22041443	Trần Thị	Ngọc	14/03/2004	QH.2022.F.1.J7.NN	FLF1108B 4							
3	22041260	Trần Thị Bích	Ngọc	2/01/2004	QH.2022.F.1.G4.NN	FLF1108B 10							
4	22041382	Nguyễn Văn	Ngọc	25/12/2004	QH.2022.F.1.J4.NN	FLF1108B 1							
5	22041342	Lê Thảo	Nguyễn	29/02/2004	QH.2022.F.1.J5.NN	FLF1108B 11							
6	20040811	Nguyễn Thảo	Nguyễn	6/10/2002	QH.2020.F.1.C4.NN23	FLF1108B 14							
7	22041041	Đinh Thị Thanh	Nhàn	7/03/2004	QH.2022.F.1.C2.NN	FLF1108B 2							
8	22041346	Nguyễn Thị	Nhàn	20/07/2004	QH.2022.F.1.J6.NN	FLF1108B 1							
9	22041128	Phạm Thị	Nhện	24/10/2004	QH.2022.F.1.C7.NN4	FLF1108B 1							
10	22041586	Đào Uyên	Nhi	8/02/2004	QH.2022.F.1.K5.NN	FLF1108B 7							
11	22041741	Lâm Linh	Nhi	25/02/2004	QH.2022.F.1.A1.NN	FLF1108B 6							
12	22040848	Lê Tuyết	Nhi	22/03/2004	QH.2022.F.1.F3.NN	FLF1108B 14							
13	22041230	Quách Yến	Nhi	20/07/2004	QH.2022.F.1.G3.NN	FLF1108B 13							
14	22040876	Triệu Hà Thảo	Nhi	23/05/2004	QH.2022.F.1.F1.NN	FLF1108B 14							
15	22041268	Trịnh Thị Uyên	Nhi	8/09/2004	QH.2022.F.1.G4.NN	FLF1108B 6							
16	22041399	Vũ Thảo	Nhi	12/07/2004	QH.2022.F.1.J2.NN3 D6	FLF1108B 10							
17	22041045	Nguyễn Thục	Như	9/08/2004	QH.2022.F.1.C2.NN	FLF1108B 13							
18	22041481	Bùi Hồng	Nhung	9/11/2004	QH.2022.F.1.J9.NN	FLF1108B 1							
19	22041063	Bùi Thị Kim	Nhung	12/12/2003	QH.2022.F.1.C3.NN	FLF1108B 4							
20	22040800	Đặng Thị	Nhung	18/08/2004	QH.2022.F.1.R2.NN	FLF1108B 3							
21	22041477	Lê Thị Tuyết	Nhung	26/09/2004	QH.2022.F.1.J7.NN	FLF1108B 11							

Danh sách gồm: sinh viên

Số thí sinh dự thi môn Đọc: Nghe: Viết:

Cán bộ coi thi 01:

Cán bộ coi thi 02:

Thư ký:

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ THI
HỌC PHẦN: TIẾNG ANH B2
HỌC KÌ 2- NĂM HỌC 2022-2023
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

Ngày thi: 28.7.2023

Phòng thi 13 (702-A2)

SBD	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Khóa/Ngành	Mã lớp môn học	Kí nộp bài môn			Điểm môn			Ghi chú
							Đọc	Nghe	Viết	Đọc	Nghe	Viết	
1	22041419	Mai Phương	Nhung	20/09/2004	QH.2022.F.1.J8.NN	FLF1108B 3							
2	22041667	Nguyễn Hồng	Nhung	10/10/2004	QH.2022.F.1.K7.NN	FLF1108B 11							
3	22041048	Nguyễn Hồng	Nhung	8/02/2004	QH.2022.F.1.C3.NN	FLF1108B 6							
4	22041249	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	9/11/2004	QH.2022.F.1.G4.NN	FLF1108B 11							
5	22041732	Nguyễn Thị Trang	Nhung	15/11/2004	QH.2022.F.1.A1.NN	FLF1108B 6							
6	22041588	Nguyễn Thị Trang	Nhung	22/06/2004	QH.2022.F.1.K5.NN	FLF1108B 7							
7	22040975	Phùng Thị	Nhung	9/12/2004	QH.2022.F.1.C8.NN4	FLF1108B 1							
8	22040809	Tạ Thị Hồng	Nhung	25/11/2004	QH.2022.F.1.R1.NN	FLF1108B 2							
9	22041609	Vũ Hồng	Nhung	8/06/2004	QH.2022.F.1.K5.NN	FLF1108B 11							
10	22041252	Trần Khánh	Ninh	23/06/2004	QH.2022.F.1.G4.NN	FLF1108B 1							
11	22041610	Nguyễn Thị Kim	Oanh	15/06/2004	QH.2022.F.1.K5.NN	FLF1108B 11							
12	22041646	Nguyễn Thị	Phước	11/05/2004	QH.2022.F.1.K6.NN	FLF1108B 4							
13	22041730	Hoàng Thu	Phương	10/01/2004	QH.2022.F.1.A1.NN	FLF1108B 2							
14	22041209	Nguyễn Hà	Phương	20/03/2004	QH.2022.F.1.G2.NN	FLF1108B 12							
15	22040769	Nguyễn Mai	Phương	7/09/2004	QH.2022.F.1.R3.NN	FLF1108B 10							
16	22041150	Nguyễn Thị Mai	Phương	17/03/2004	QH.2022.F.1.C2.NN	FLF1108B 2							
17	22040976	Nguyễn Thị Mai	Phương	8/03/2004	QH.2022.F.1.C3.NN	FLF1108B 4							
18	22041605	Nguyễn Thị Mai	Phương	19/03/2004	QH.2022.F.1.K5.NN	FLF1108B 11							
19	22041735	Nguyễn Thị Phương	Phương	17/11/2003	QH.2022.F.1.A1.NN	FLF1108B 3							
20	22041524	Nguyễn Thu	Phương	29/06/2004	QH.2022.F.1.K3.NN	FLF1108B 7							
21	22041134	Tô Thị	Phương	29/04/2004	QH.2022.F.1.C3.NN	FLF1108B 4							

Danh sách gồm: sinh viên

Số thí sinh dự thi môn Đọc: Nghe: Viết:

Cán bộ coi thi 01:

Cán bộ coi thi 02:

Thư ký:

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ THI
HỌC PHẦN: TIẾNG ANH B2
HỌC KÌ 2- NĂM HỌC 2022-2023
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

Ngày thi: 28.7.2023

Phòng thi 14 (703-A2)

SBD	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Khóa/Ngành	Mã lớp môn học	Kí nộp bài môn			Điểm môn			Ghi chú
							Đọc	Nghe	Viết	Đọc	Nghe	Viết	
1	22041710	Võ Thị Hà	Phương	5/02/2004	QH.2022.F.1.K8.NN	FLF1108B 13							

2	22040898	Phan Thị Mỹ	Phượng	9/07/2004	QH.2022.F.1.F3.NN	FLF1108B 14													
3	22041606	Nguyễn Thị Thu	Phượng	15/09/2004	QH.2022.F.1.K5.NN	FLF1108B 1													
4	22041248	Ngô Xuân	Quang	6/05/2004	QH.2022.F.1.G4.NN	FLF1108B 11													
5	22041581	Phạm Thu	Quyên	22/08/2004	QH.2022.F.1.K4.NN	FLF1108B 6													
6	22041596	Hà Thị Như	Quyên	14/04/2004	QH.2022.F.1.K5.NN	FLF1108B 10													
7	22041394	Nguyễn Như	Quyên	9/06/2004	QH.2022.F.1.J4.NN	FLF1108B 11													
8	22040908	Trương Tiểu	Quyên	31/05/2004	QH.2022.F.1.F3.NN	FLF1108B 14													
9	22041711	Phạm Vũ	San	14/10/2004	QH.2022.F.1.K8.NN	FLF1108B 13													
10	22041111	Hồ Thị	Sinh	3/02/2004	QH.2022.F.1.C2.NN	FLF1108B 2													
11	22041240	Nguyễn Ngọc	Son	12/06/2004	QH.2022.F.1.G3.NN	FLF1108B 3													
12	22041569	Nông Triệu Mai	Sương	18/02/2004	QH.2022.F.1.K4.NN	FLF1108B 7													
13	22041471	Trần Thanh	Tâm	18/11/2004	QH.2022.F.1.J6.NN	FLF1108B 12													
14	22041069	Phạm Thị	Thắm	27/07/2004	QH.2022.F.1.C1.NN	FLF1108B 2													
15	22041083	Kim Thị Phương	Thanh	20/06/2004	QH.2022.F.1.C5.NN	FLF1108B 13													
16	22041672	Nguyễn Phương	Thanh	6/02/2004	QH.2022.F.1.K7.NN	FLF1108B 1													
17	22041380	Bạch Thu	Thảo	17/04/2004	QH.2022.F.1.J8.NN	FLF1108B 12													
18	22041226	Bùi Phương	Thảo	2/07/2004	QH.2022.F.1.G3.NN	FLF1108B 1													
19	22041017	Bùi Phương	Thảo	1/03/2004	QH.2022.F.1.C8.NN4	FLF1108B 13													
20	22041679	Đặng Thị Thu	Thảo	5/10/2004	QH.2022.F.1.K7.NN	FLF1108B 13													
21	22040892	Đỗ Thị Phương	Thảo	19/01/2004	QH.2022.F.1.F2.NN	FLF1108B 14													

Danh sách gồm: sinh viên

Số thí sinh dự thi môn Đọc: Nghe: Viết:

Cán bộ coi thi 01:

Cán bộ coi thi 02:

Thư ký:

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ THI
HỌC PHẦN: TIẾNG ANH B2
HỌC KÌ 2- NĂM HỌC 2022-2023
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

Ngày thi: 28.7.2023

Phòng thi 15 (704-A2)

SBD	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Khóa/Ngành	Mã lớp môn học	Kí nộp bài môn			Điểm môn			Ghi chú
							Đọc	Nghe	Viết	Đọc	Nghe	Viết	
1	22041705	Lê Thanh	Thảo	7/01/2004	QH.2022.F.1.K8.NN	FLF1108B 2							
2	22041464	Ngô Thu	Thảo	7/10/2004	QH.2022.F.1.J9.NN	FLF1108B 10							
3	22041093	Nguyễn Phương	Thảo	17/05/2004	QH.2022.F.1.C1.NN	FLF1108B 3							
4	22041534	Nguyễn Thị Phương	Thảo	5/12/2004	QH.2022.F.1.K3.NN	FLF1108B 3							
5	22040960	Nguyễn Phương	Thảo	17/01/2004	QH.2022.F.1.C6.NN4	FLF1108B 7							

16	22040921	Tô Nhị Từ	Yến	14/08/2004	QH.2022.F.1.F4.NN	FLF1108B 14							
17	22041386	Trần Hải	Yến	9/11/2004	QH.2022.F.1.J8.NN	FLF1108B 12							
18	22041061	Nhữ Thị Hồng	Liên	13/10/2004	QH.2022.F.1.C3.NN	FLF1108B							Thi bổ sung
19	22041697	Nguyễn Việt	Phương	02/10/2004	QH.2022.F.1.K8.NN	FLF1108B 03							Thi bổ sung

Danh sách gồm: sinh viên

Số thí sinh dự thi môn Đọc: Nghe: Viết:

Cán bộ coi thi 01:

Cán bộ coi thi 02:

Thư ký:

DANH SÁCH SV KHÔNG ĐỦ ĐK THI HP TIẾNG ANH B2

1	22041253	Vũ Duy	Khánh	10/05/2004	QH.2022.F.1.G4.NN	FLF1108B 1	Ko đủ đk	ko tham gia thi	
2	22041100	Bùi Thu	Ngân	30/06/2004	QH.2022.F.1.C8.NN4	FLF1108B 1	Ko đủ đk	ko tham gia thi	
3	22040988	Nguyễn Hoài	Linh	22/06/2004	QH.2022.F.1.C7.NN4	FLF1108B 1	Ko đủ đk	ko tham gia thi	
4	22040763	Nguyễn Thị Diệu	Linh	28/09/2004	QH.2022.F.1.R2.NN	FLF1108B 1	Ko đủ đk	ko tham gia thi	
5	22040033	Lê Thị	Phương	23/11/2004	QH.2022.F.1.K2.NN	FLF1108B 1	Ko đủ đk	ko tham gia thi	
6	22041489	Đàm Thị	An	8/12/2004	QH.2022.F.1.J3.NN	FLF1108B 2	Ko đủ đk	ko thi pt2	
7	22040801	Nguyễn Thị Vân	Anh	11/03/2004	QH.2022.F.1.R2.NN	FLF1108B 2	Ko đủ đk	Ko học	
8	22040785	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	22/10/2004	QH.2022.F.1.R1.NN	FLF1108B 2	Ko đủ đk	Ko thi PT2	
9	22040765	Hà Hoàng Hồng	Án	6/09/2004	QH.2022.F.1.R1.NN	FLF1108B 2	Ko đủ đk	Ko thi PT2	
10	22041403	Nguyễn Đăng	Hoà	19/01/2004	QH.2022.F.1.J6.NN	FLF1108B 2	Ko đủ đk	Ko học	
11	22041729	Lại Thùy	Ngân	1/10/2004	QH.2022.F.1.A1.NN	FLF1108B 2	Ko đủ đk	Ko học	
12	22041347	Nguyễn Thị Hải	Yến	18/03/2004	QH.2022.F.1.J7.NN	FLF1108B 2	Ko đủ đk	Ko thi PT2	
13	22041137	An Phương	Anh	10/11/2004	QH.2022.F.1.C3.NN	FLF1108B 4	Ko đủ đk	Ko thi PT1_PT2	
14	22040758	Lưu Thanh	Hương	16/08/2004	QH.2022.F.1.R3.NN	FLF1108B 4	Ko đủ đk	Ko học	
15	19041304	Đoàn Thị Hoài	Nam	6/09/2001	QH.2022.F.1.C5.NN	FLF1108B 4	Ko đủ đk	Ko học	
16	22040970	Nguyễn Thị Kim	Thanh	15/12/2004	QH.2022.F.1.C8.NN4	FLF1108B 4	Ko đủ đk	Ko thi PT2	
17	22040747	Nguyễn Như	Thành	24/03/2004	QH.2022.F.1.R2.NN	FLF1108B 4	Ko đủ đk	Ko học	
18	22041742	Bùi Thị Thu	Trang	1/01/2004	QH.2022.F.1.A1.NN	FLF1108B 4	Ko đủ đk	Ko học	
19	22041032	Nguyễn Mai	Linh	27/6/2004	QH.2022.F.1.C1.NN	FLF1108B 6	Ko đủ đk	ko thi PT2	
20	22041109	Đào Thị Minh	Trang	2/05/2004	QH.2022.F.1.C1.NN	FLF1108B 6	Ko đủ đk	Ko học	
21	22041376	Nguyễn Nhật	Lê	2/12/2004	QH.2022.F.1.J8.NN	FLF1108B 6	Ko đủ đk	Ko học	
22	22040808	Ngô Thanh	Chúc	9/03/2004	QH.2022.F.1.R2.NN	FLF1108B 7	Ko đủ đk	khong thi PT2	
23	22041238	Hoàng Thanh	Huyền	6/02/2004	QH.2022.F.1.G3.NN	FLF1108B 7	Ko đủ đk	khong thi PT2	
24	22041077	Vũ Mai Khánh	Vân	17/09/2004	QH.2022.F.1.C9.NN4	FLF1108B 7	Ko đủ đk	khong thi PT2	
25	22041682	Phạm Mỹ	Duyên	5/10/2004	QH.2022.F.1.K7.NN	FLF1108B 7	Ko đủ đk	khong thi PT2	
26	22040790	Trần Thị	Giang	26/12/2004	QH.2022.F.1.R3.NN	FLF1108B 7	Ko đủ đk	khong thi PT2	
27	22040744	Phạm Hà	Anh	13/09/2004	QH.2022.F.1.R2.NN	FLF1108B 3	Ko đủ đk	khong thi PT2	
28	22040789	Vũ Đặng Thảo	Anh	2/03/2004	QH.2022.F.1.R2.NN	FLF1108B 3	Ko đủ đk	khong thi PT2	
29	22041740	Nguyễn Thị Hạnh	Dung	2/07/2004	QH.2022.F.1.A1.NN	FLF1108B 3	Ko đủ đk	Ko học	
30	22041234	Nguyễn Phương Thùy Linh		15/10/2004	QH.2022.F.1.G3.NN	FLF1108B 3	Ko đủ đk	Ko học	
31	22040784	Nguyễn Vũ Cẩm	Ly	31/07/2004	QH.2022.F.1.R3.NN	FLF1108B 3	Ko đủ đk	khong thi PT2	

32	22040780	Đào Xuân	Mai	21/07/2004	QH.2022.F.1.R3.NN	FLF1108B 3	Ko đủ đk	khong thi	PT2
33	22041311	Đỗ Hà Hiền	Thanh	6/04/2004	QH.2022.F.1.J3.NN	FLF1108B 3	Ko đủ đk	khong thi	PT2
34	22041454	Vũ Lê Như	Ý	11/11/2004	QH.2022.F.1.J6.NN	FLF1108B	Ko đủ đk	Ko học	
35	22041059	Bùi Hà	Phuong	24/10/2004	QH.2022.F.1.C6.NN4	FLF1108B 11	Ko đủ đk	Ko học	
36	22040770	Nguyễn Ngọc	Quỳnh	27/07/2003	QH.2022.F.1.R2.NN	FLF1108B 11	Ko đủ đk	Ko thi	PT2
37	22041719	Trần Thanh	An	28/09/2004	QH.2022.F.1.A1.NN	FLF1108B 12	Ko đủ đk	Ko học	
38	22041476	Hồ Phương	Thảo	2/12/2004	QH.2022.F.1.J3.NN	FLF1108B 12	Ko đủ đk	ngghi học	quá 20%
39	22040788	Bùi Thị	Tuyền	25/10/2004	QH.2022.F.1.R3.NN	FLF1108B 12	Ko đủ đk	Ko học	
40	22041643	Hà Thị Hoài	Thu	19/10/2004	QH.2022.F.1.K6.NN	FLF1108B 13	Ko đủ đk	khong thi	PT2
41	20041725	Nông Ánh	Minh	23/02/2001	QH.2020.F.1.C6.NN23	FLF1108B 14	Ko đủ đk	Ko học	
42	22040830	Trần Hiếu	Ngân	7/08/2004	QH.2022.F.1.F1.NN	FLF1108B 14	Ko đủ đk	Thiếu điểm online	
43	22040868	Thiều Minh	Phượng	30/08/2004	QH.2022.F.1.F1.NN	FLF1108B 14	Ko đủ đk	khong thi	PT2

Danh sách gồm: 396 sinh viên, trong đó:
Số SV đủ điều kiện thi hết học phần: 353 sv
Số SV không đủ điều kiện thi hết học phần: 43 sv
Người lập DS: Hoàng Thị Phương Loan